TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **04**/2019/DS-ST
Ngày 07/5/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG - BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hòan Kiếm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nam Tiến

2. Bà Thái Thị Dung

Thư ký phiên tòa: Ông Hán Tấn Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Dung, Kiểm sát viên

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 197/2018/TLST-DS, ngày 04 tháng 10 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXX-DS, ngày 04 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2019/QĐ-HPT, ngày 19 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Bích Thị Kim P, sinh năm 1979

Địa chỉ: thôn L, xã PL, huyện T, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

2. Bị đơn: vợ chồng bà Lý Kim A, sinh năm 1986 và ông Mai Thành B, sinh năm 1988

Địa chỉ: thôn L, xã PL, huyện T, tỉnh Bình Thuận; bà A có mặt, ông B vắng mặt.

Người làm chứng: Thanh Thị H, Lựu Thị Đức M, đều có mặt; Nguyễn Phương C, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gởi đến Tòa án ngày 04 tháng 10 năm 2018, nguyên đơn bà Bích Thị Kim P trình bày: Vào năm 2017, bà Lý Kim A có nhờ bà vay tiền dùm để bà A cho một số cán bộ xã PL vay lại để trả nợ ngân hàng khi đến hạn, thời hạn vay là đến khi ngân hàng cho vay lại. Đến tháng 11 năm 2017, bà A đã vay của bà tổng cộng 700.000.000 đồng, sau khi vay bà A lấy tiền của bà để xây nhà, không chịu trả nợ cho bà, bà cũng cho rằng bà A cho vay lại hưởng chênh lệch tiền lãi để lấy tiền mua quần áo cho bà A là sử dụng vào nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Bà đòi nhiều lần thì bà A chỉ trả được 367.000.000 đồng còn nợ 333.000.000 đồng, bà yêu cầu bà A làm giấy thỏa thuận trả dần tiền gốc hàng tháng và lãi với mức lãi là 1,5%/tháng, bà A chỉ trả tiền lãi đến tháng 8 năm 2018 thì không trả nữa.

Nay bà yêu cầu vợ chồng bà A và ông B phải có trách nhiệm trả cho bà tiền gốc là 333.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm từ tháng 9 năm 2018 đến nay làm tròn 8 tháng thành tiền là 22.200.000 đồng, tổng cộng là 355.200.000 đồng.

Bị đơn bà Lý Kim A trình bày: Vào tháng 11 năm 2017, bà có vay tiền của bà Bích Thị Kim P số tiền 700.000.000 đồng để cho bà Lựu Thị Đức M và bà Thanh Thị H vay lại với mức lãi suất cao hơn để lấy tiền tiêu xài thêm chứ chồng bà ông Mai Thành B không biết cũng không có việc bà lấy tiền vay về xây nhà rồi không trả cho bà P, theo phong tục người Chăm bà là con gái út nên ở nhà thờ, nhà do các anh chị em góp tiền xây. Sau khi bà cho bà M và bà H vay xong, do bà M và bà H không trả đủ tiền vay cho bà nên bà không có tiền trả cho bà P, bà còn phải vay thêm chỗ khác để trả cho bà P, bà đã trả cho bà P được 367.000.000 đồng và còn nợ lại của bà P số tiền gốc là 333.000.000 đồng

Nay bà đồng ý hoàn trả số tiền gốc và tiền lãi theo yêu cầu của bà P nhưng bà không đồng ý với yêu cầu của bà P buộc chồng bà là ông Mai Thành B cùng phải có trách nhiệm với bà để trả nợ cho bà P. Bà cũng không yêu cầu điều chỉnh lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền lãi mà bà đã đưa cho bà P.

Người làm chứng bà Thanh Thị H trình bày: Trước đây, bà có vay tiền của bà Lý Kim A để giải quyết việc làm ăn tạm thời, thời gian vay chỉ vài ngày.

Ngày 26 tháng 10 năm 2017, bà có vay của bà A số tiền 280.000.000 đồng để làm ăn, lãi suất vay là 2.500 đồng/ngày/1.000.000 đồng, do bà làm ăn thua lỗ nên bà

chưa trả cho bà A. Khi vay tiền, bà có nghe bà A nói là bà A vay tiền của bà P cho vay lại chứ bà không thấy bà P đưa tiền cho bà A.

Người làm chứng bà Lựu Thị Đức M trình bày: Bà thường xuyên vay tiền của bà A để cho người khác vay lại, bà có nghe nói bà A lấy tiền từ bà P để cho bà vay lại, thời gian vay thường là vay ngắn hạn nhưng trong năm qua do người ta không trả cho bà dẫn đến bà không trả cho bà A, hiện bà còn nợ của bà A số tiền 312.000.000 đồng. Bà thường vay của bà A với mức lãi suất là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày.

Trong năm 2018, bà P có gọi điện thoại chữi bà vì bà giật nợ của bà A làm cho bà A giật nợ của bà P.

Người làm chứng Nguyễn Phương C trình bày: Việc vay tiền giữa bà A và bà P với số tiền gốc và lãi suất vay bao nhiêu thì bà không rõ. Bà có được bà A nhờ đưa tiền lãi cho bà P 4 lần: lần đầu số tiền và thời gian nào thì bà không nhớ, lần thứ hai với số tiền lãi là 5.000.000 đồng thời gian đưa thì bà không nhớ, lần thứ ba là ngày sinh hoạt đoàn 26/3/2018, bà A nhờ bà đưa cho bà P với số tiền là 1.500.000 đồng và lần thứ tư vào khoảng tháng 7 năm 2018, bà A nhờ bà đưa tiền lãi cho bà P với số tiền 5.000.000 đồng.

Tại Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật; về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bích Thị Kim P buộc bà Lý Kim A có trách nhiệm hoàn trả cho bà P số tiền gốc và tiền lãi đến ngày xét xử là 355.200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Bích Thị Kim P yêu cầu vợ chồng bà Lý Kim A và ông Mai Thàng B có nơi cư trú tại huyện T, hoàn trả cho bà 333.000.000 đồng tiền gốc còn nợ và tiền lãi chậm trả từ tháng 9 năm 2018 đến ngày xét xử. Đây là vụ kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện nhân dân Tuy Phong quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống các văn bản tố tụng cho ông Mai Thành B theo đúng các quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự cũng như xét xử vắng mặt ông theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về pháp luật áp dụng để giải quyết: Yêu cầu của bà P xuất phát từ sự thỏa thuận giữa các bên từ hợp đồng vay tài sản tài sản nên áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Bộ luật Dân sự để giải quyết.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của bà P: Việc bà P yêu cầu vợ chồng bà A và ông B phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà số tiền 333.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi 10%/năm từ tháng 9 năm 2018 đến ngày xét xử làm tròn 8 tháng là 22.200.000 đồng, tổng cộng là 355.200.000 đồng vì bà A sử dụng tiền vay của bà để xây dựng nhà ở và lấy tiền lãi vào mục đích sử dụng cho bản thân bà A. Bà A đồng ý với yêu cầu của bà P về số tiền gốc và tiền lãi nhưng không đồng ý với yêu cầu của bà P về trách nhiệm của chồng bà trong khoản nợ của bà P.

Đối với khoản nợ gốc, bà P yêu cầu số tiền gốc là 333.000.000 đồng, bà A cũng thống nhất với số tiền còn nợ lại của bà P là 333.000.000 đồng, xét thấy, ý kiến của các bên phù hợp với số tiền theo sự thỏa thuận của các bên tại giấy cam kết trả nợ ngày 26 tháng 4 năm 2018 của bà A viết cho bà P, bà A đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ hàng tháng nên bà P khởi kiện là có cơ sở chấp nhận.

Đối với khoản tiền lãi, bà P yêu cầu số tiền lãi chậm trả từ tháng 9 năm 2018 đến ngày xét xử làm tròn là 8 tháng với mức lãi suất là 10%/năm đối với số nợ 333.000.000 đồng, thành tiền là 22.200.000 đồng; bà A đồng ý với yêu cầu của bà P; xét thấy, mức lãi bà P yêu cầu phù hợp với mức lãi quy định tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên chấp nhận. Bà A không yêu cầu điều chỉnh mức lãi suất của khoản vay 700.000.000 đồng nên không xem xét.

Đối với yêu cầu của bà P về trách nhiệm của ông B trong khoản nợ của bà A với bà. Tại Điều 385 Bộ luật Dân sự quy định *"Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự"*. Xét thấy, trong quá trình vay và trả tiền giữa bà P với bà A thì chỉ có một mình bà A là người thực hiện, không có ông B tham gia; mục đích vay tiền, bà P cũng thừa nhận là cho bà A vay để bà A cho những người khác vay lại, điều này phù hợp với lời trình bày của những người làm chứng cũng như số tiền của bà H và bà M còn nợ của bà A nên không có cơ sở cho rằng bà A sử dụng tiền vay của bà P vào nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu của bà P là ông B phải có trách

nhiệm liên đới đối với khoản nợ của bà P mà chỉ một mình bà A có trách nhiệm trả khoản nợ trên cho bà P.

[5]. Về án phí: Yêu cầu của bà P được chấp nhận nên bà A phải nộp 5% x 355.200.000 đồng = 17.760.000 đồng, bà A có đơn xin miễn án phí do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên miễn cho bà 8.880.000 đồng, bà phải nộp 8.880.000 đồng; bà Pháp không phải chịu án phí nên hoàn lại cho bà 4.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 146, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bích Thị Kim P đối với vợ chồng bà Lý Kim A và ông Mai Thành B về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Buộc bà Lý Kim A có trách nhiệm trả cho bà Bích Thị Kim P số tiền nợ gốc là 333.0000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 9 năm 2018 đến ngày 07/5/2019 làm tròn 8 tháng với mức lãi suất 10%/năm là 22.200.000 đồng, tổng cộng 355.200.000 đồng

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất như sau:

* Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm.

* Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm.

* Trường hợp pháp luật có quy định khác (nếu có)

Về án phí: bà Lý Kim A phải nộp 17.760.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà có đơn xin miễn án phí do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên miễn cho bà 8.880.000 đồng, bà phải nộp 8.880.000 đồng; hoàn trả cho bà P 4.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0019610, ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

Bà P và bà A có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn ông Trung vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKS ND (Tỉnh + Huyện);
- Tòa án ND Tỉnh BT;
- Các đương sự;
- THA Huyện;
- Lưu HS.

Hồ Hoàn Kiếm